

QUYẾT ĐỊNH

**V/v giao nguồn vốn bổ sung từ ngân sách
trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2016**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 2447/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán bổ sung từ ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2016;

Căn cứ Công văn số 69/HĐND-VP ngày 26/02/2017 của Thường trực HĐND tỉnh về việc kế hoạch giao chi tiết nguồn vốn Ngân sách Trung ương bổ sung thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2016;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số: 40/TTr-SKHĐT ngày 24/01/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch vốn cho các Sở, ngành, UBND các huyện và các Chủ đầu tư từ nguồn vốn bổ sung từ Ngân sách Trung ương để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2016, cụ thể như sau:

1. Số Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2016: **02** chương trình.
2. Tổng kinh phí thực hiện: **14.895** triệu đồng (Mười bốn tỷ, tám trăm chín mươi lăm triệu đồng chẵn).

(Chi tiết tại Phụ lục I, II, III kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh và các đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc các Sở, ngành, UBND các huyện và các Chủ đầu tư triển khai thực hiện; định kỳ báo cáo UBND tỉnh hình triển khai thực hiện.

2. Sở Tài chính thẩm định phân bổ dự toán chi tiết nguồn vốn sự nghiệp cho các đơn vị sử dụng ngân sách và đảm bảo các nguồn vốn để thanh toán cho các dự án, công trình, hạng mục công trình được giao theo đúng quy định.

3. Các cơ quan chủ trì Chương trình, các Chủ đầu tư căn cứ mức vốn của các dự án, công trình được giao khẩn trương tổ chức thực hiện; phân khai cơ cấu vốn đăng ký thanh toán với cơ quan cấp phát vốn và triển khai thực hiện, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư đúng quy định hiện hành, bảo đảm thanh toán hết số vốn được giao.

Các Chủ đầu tư thông báo công khai danh mục công trình đầu tư xây dựng, Chủ đầu tư, quy mô, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư, tiến độ thực hiện tại địa điểm thực hiện công trình; định kỳ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch về cơ quan chủ trì Chương trình.

4. Cơ quan chủ trì Chương trình định kỳ báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch của Chương trình về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia của tỉnh và UBND tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thời hạn giải ngân đến hết ngày 31/12/2017.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Chánh văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện; các Chủ đầu tư và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Các Bộ: KH&ĐT; TC; LĐTB&XH; NN&PTNT;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (T-100b)

CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị

Phụ lục I



KẾ HOẠCH VỐN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA BỔ SUNG NĂM 2016
(Kèm theo Quyết định số 395 /QĐ-UBND ngày 22/02/2017 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch bổ sung năm 2016			Ghi chú
			Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	
	Tổng cộng		14.895	9.580	5.315	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới		2.600	-	2.600	Bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp huyện Chi tiết tại Phụ Lục II
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		12.295	9.580	2.715	
2.1	Giám sát, đánh giá Chương trình MTQG giảm nghèo	Sở LĐT&XH	50		50	
2.2	Chương trình 135		12.245	9.580	2.665	Chi tiết tại Phụ lục III

Phụ lục II

KẾ HOẠCH PHÂN BỐ NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI BỔ SUNG NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 22/02/2017 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chương trình mục tiêu/Dự án/Công trình	Chủ đầu tư	KH vốn bổ sung năm 2016 (Hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng mô hình)	Ghi chú
	Bổ sung ngân sách cấp huyện		2.600	
1	Huyện Krông Bông		400	Huyện nghèo
1.1	Xã Cư Đrăm	UBND xã	80	Xã KV III, bị thiên tai
1.2	Xã Khuê Ngọc Điền	UBND xã	80	Xã bị thiên tai
1.3	Xã Hòa Tân	UBND xã	80	Xã bị thiên tai
1.4	Xã Hòa Lễ	UBND xã	80	Xã bị thiên tai
1.5	Xã Hòa Phong	UBND xã	80	Xã bị thiên tai
2	Huyện M'Đrắk		400	Huyện nghèo
2.1	Xã Cư San	UBND xã	80	Xã KV III, bị thiên tai
2.2	Xã Cư Prao	UBND xã	80	Xã KV III, bị thiên tai
2.3	Xã Cư Króa	UBND xã	80	Xã bị thiên tai
2.4	Xã Krông Jing	UBND xã	80	Xã KV III, bị thiên tai
2.5	Xã Ea Pil	UBND xã	80	Xã bị thiên tai
3	Huyện Lắk		400	Huyện nghèo
3.1	Xã Yang Tao	UBND xã	80	Xã KV III, bị thiên tai
3.2	Xã Bông Krang	UBND xã	80	Xã KV III, bị thiên tai
3.3	Xã Buôn Tría	UBND xã	80	Xã bị thiên tai
3.4	Xã Đắc Phơi	UBND xã	80	Xã KV III, bị thiên tai
3.5	Xã Nam Ka	UBND xã	80	Xã KV III, bị thiên tai
4	Huyện Ea Súp		350	Huyện nghèo
4.1	Xã Ia Jloi	UBND xã	70	Xã KV III, bị thiên tai
4.2	Xã Ia Lốp	UBND xã	70	Xã KV III, biên giới
4.3	Xã Ia Rvê	UBND xã	70	Xã KV III, biên giới
4.4	Xã Ea Bung	UBND xã	70	Xã KV III, biên giới
4.5	Xã Ya Tờ Mốt	UBND xã	70	Xã KV III
5	Huyện Buôn Đôn		350	Huyện nghèo
5.1	Xã Krông Na	UBND xã	70	Xã KV III, biên giới
5.2	Xã Ea Wer	UBND xã	70	Xã KV III
5.3	Xã Ea Huar	UBND xã	70	Xã KV III
5.4	Xã Ea Nuôl	UBND xã	70	Xã KV III
5.5	Xã Cuôr Knia	UBND xã	70	Xã KV III
6	Huyện Ea Kar		350	
6.1	Xã Cư Yang	UBND xã	70	Xã KV III, bị thiên tai
6.2	Xã Cư Prông	UBND xã	70	Xã KV III, bị thiên tai
6.3	Xã Cư Elang	UBND xã	70	Xã KV III, bị thiên tai
6.4	Xã Ea Păl	UBND xã	70	Xã bị thiên tai
6.5	Xã Ea Sô	UBND xã	70	Xã KV III, bị thiên tai
7	Huyện Krông Ana		350	
7.1	Xã Dur Kmăl	UBND xã	70	Xã bị thiên tai
7.2	Xã Bình Hòa	UBND xã	70	Xã bị thiên tai
7.3	Xã Ea Na	UBND xã	70	Xã bị thiên tai
7.4	Xã Ea Bông	UBND xã	70	Xã bị thiên tai
7.5	Xã Quảng Điền	UBND xã	70	Xã bị thiên tai



Phụ lục III

KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH 135 BỔ SUNG NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 395 /QĐ-UBND ngày 22/02/2017 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

TT	Địa bàn đầu tư	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn bổ sung năm 2016	Trong đó:		Ghi chú
				Vốn ĐTPT thực hiện dự án xây dựng cơ sở hạ tầng	Vốn sự nghiệp thực hiện nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở và cộng đồng	
	Tổng cộng		12.245	9.580	2.665	
A	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện		8.977	8.977	-	
I	Huyện Buôn Đôn		1.059	1.059		
1	Xã Ea Wer	UBND xã	210	210		
2	Xã Ea Nuôl	UBND xã	210	210		
3	Xã Cuôr Knia	UBND xã	218	218		
4	Xã Ea Huar	UBND xã	216	216		
5	Xã Krông Na	UBND xã	205	205		
II	Huyện Ea H'Leo		218	218		
6	Xã Ea Tir	UBND xã	218	218		
III	Huyện Ea Kar		1.069	1.069		
7	Xã Cư Prông	UBND xã	216	216		
8	Xã Cư Êlang	UBND xã	205	205		
9	Xã Cư Bông	UBND xã	210	210		
10	Xã Ea Sô	UBND xã	220	220		
11	Xã Cư Yang	UBND xã	218	218		
IV	Huyện Ea Súp		1.065	1.065		
12	Xã Ia Jloi	UBND xã	218	218		
13	Xã Ea Bung	UBND xã	227	227		
14	Xã Ya Tờ Mốt	UBND xã	220	220		
15	Xã Cư Kbang	UBND xã	203	203		
16	Xã Ia Lốp	UBND xã	197	197		
V	Huyện Krông Bông		1.289	1.289		
17	Xã Cư Pui	UBND xã	212	212		
18	Xã Dang Kang	UBND xã	218	218		
19	Xã Yang Mao	UBND xã	205	205		
20	Xã Cư Drăm	UBND xã	214	214		
21	Xã Yang Reh	UBND xã	222	222		
22	Xã Êa Trul	UBND xã	218	218		
VI	Huyện Krông Búk		220	220		
23	Xã Ea Sin	UBND xã	220	220		
VII	Huyện Krông Năng		667	667		
24	Xã Cư Klông	UBND xã	228	228		
25	Xã Ea Púk	UBND xã	229	229		
26	Xã Ea Đăh	UBND xã	210	210		

Địa bàn đầu tư	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn bổ sung năm 2016	Trong đó:		Ghi chú
			Vốn ĐTPT thực hiện dự án xây dựng cơ sở hạ tầng	Vốn sự nghiệp thực hiện nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở và cộng đồng	
Huyện Krông Pắc		665	665		
Xã Ea Yiêng	UBND xã	214	214		
Xã Ea Uy	UBND xã	229	229		
Xã Vụ Bồn	UBND xã	222	222		
Huyện M'Đrắk		1.065	1.065		
Xã Krông Jing	UBND xã	214	214		
Xã Krông Á	UBND xã	216	216		
Xã Cư Prao	UBND xã	216	216		
Xã Cư Mta	UBND xã	214	214		
Xã Ea Trang	UBND xã	205	205		
Huyện Lắk		1.218	1.218		
Xã Yang Tao	UBND xã	207	207		
Xã Bông Krang	UBND xã	205	205		
Xã Đăk Phoi	UBND xã	201	201		
Xã Đăk Nuê	UBND xã	205	205		
Xã Krông Nô	UBND xã	197	197		
Xã Ea Rbin	UBND xã	203	203		
Huyện Cư M'gar		218	218		
Xã Ea Mdroh	UBND xã	218	218		
Huyện Cư Kuin		224	224		
Xã Cư Êwi	UBND xã	224	224		
Giao sở, ban, ngành thực hiện	Ban Dân tộc	3.268	603	2.665	
Xã Nam Ka		203	203		
Xã Cư San		199	199		
Xã Ia Rvê		201	201		